

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1169/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 18/12/2024

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN – TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Thọ và ông Nguyễn Văn Sỹ

Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Mỹ Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn tham gia phiên tòa: Bà Trần Thanh Trang - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 12 năm 2024 tại Trụ sở của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 830/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 372/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 385/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1993; Địa chỉ: Tổ B, khu vực V, phường P, thành phố Y, tỉnh Bình Định.

- Bị đơn: Anh Trần Minh T1, sinh năm: 1991; Địa chỉ: Tổ B, khu vực V, phường P, thành phố Y, tỉnh Bình Định. *Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Trần Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Trần Minh T1 có đơn xin xét xử vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện ngày 11/9/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị T bày:**

Chị và anh Trần Minh T1 tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 02/10/2013 tại UBND phường P, thành phố Y, tỉnh Bình Định. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm sống và lối sống, anh T1 cờ bạc, không lo làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình, đôi lúc về đánh đập chị. Vợ chồng đã tự sống ly thân từ tháng 01/2024 cho đến nay, phần ai nấy sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không

đạt được nên yêu cầu Tòa cho chị được ly hôn anh **T1** để ổn định cuộc sống. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Minh Q, sinh ngày 20/8/2014, hiện nay đang sống với vợ chồng, sức khỏe bình thường. Nếu ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Q, không yêu cầu anh **T1** cấp dưỡng. Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

* **Bị đơn anh Trần Minh T1**: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T1 đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa để khai báo, hòa giải. Tại phiên tòa, anh T1 vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **Trần Thị T**, chị **T** được ly hôn anh **Trần Minh T1**. Về con chung: Giao cháu Trần Minh Q, cho chị **T** trực tiếp nuôi dưỡng. Chị **T** không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Về tài sản: Các bên không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh **Trần Minh T1** bị đơn trong vụ án, hiện cư trú tại tổ B, khu phố V, phường P, thành phố Y, tỉnh Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. [2]. Về thủ tục tố tụng: Chị **Trần Thị T**, anh **Trần Minh T1** đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. [3] Về nội dung vụ án: Chị **Trần Thị T** và anh **Trần Minh T1** tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 02/10/2013 tại UBND phường P, thành phố Y, tỉnh Bình Định nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau thì phát sinh mâu thuẫn, theo chị **T** thì nguyên nhân là do anh T1 cờ bạc, không lo làm ăn, không quan tâm gia đình, còn đánh đập chị, vợ chồng bất đồng quan điểm sống và lối sống nên thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn hai vợ chồng ngày càng gay gắt nên từ tháng 01/2024 anh chị đã tự sống ly thân cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh **T1** không đến Tòa để khai báo, hòa giải, chứng tỏ anh **T1** không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xét: Hôn nhân của chị **T**, anh **T1** đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị **T** yêu cầu ly hôn với anh T1 phù hợp với

quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.1] Về con chung: Vợ chồng có Trần Minh Q, sinh ngày 20/8/2014 hiện nay đang sống với vợ chồng, sức khỏe bình thường. Chị **T** có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh **T1** cấp dưỡng. Xét thấy cháu Q có nguyện vọng được ở với chị T sau khi ba mẹ ly hôn và chị T có đủ điều kiện về chỗ ở, thu nhập để đảm bảo sự phát triển bình thường cho con, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị **T** về việc trực tiếp nuôi con chung sau khi hôn là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **T** không yêu cầu cấp dưỡng nên Toà không xét.

[3.2] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị **Trần Thị T** phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1 - Về hôn nhân: Chị **Trần Thị T** được ly hôn với anh **Trần Minh T1**.

2 - Về con chung: Giao cháu Trần Minh Q, sinh ngày 20/8/2014 cho chị **Trần Thị T** trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **Trần Thị T** không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Vì lợi ích của con, một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

3 - Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét.

4 - Về án phí: Chị **Trần Thị T** phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai số 0000477 ngày 08/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn.

5 - Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND Thành phố Quy Nhơn
- CC THA Thành phố Quy Nhơn
- UBND P. Trần Quang Diệu, TP. Quy Nhơn, Bình Định;
- (Giấy CNKH số 163 ngày 02/10/2013)
- Các đương sự

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Hồng Diễm